

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Địa chỉ: Xã Thuận Phú Huyện Đồng Phú - Tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III năm 2008

	CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý III	Lũy kế
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		01	VII.1	303,432,081,611	526,866,790,209
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu		02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	VII.1	303,432,081,611	526,866,790,209
4.	Giá vốn hàng bán		11	VII.2	199,700,008,303	323,017,655,598
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20		103,732,073,308	203,849,134,611
6.	Doanh thu hoạt động tài chính		21	VII.3	4,518,994,392	8,665,332,253
7.	Chi phí tài chính		22	VII.4	2,397,312,224	16,449,832,674
	Trong đó: chi phí lãi vay		23		1,045,199,176	3,163,426,962
8.	Chi phí bán hàng		24	VII.5	4,658,288,640	8,258,110,803
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		25	VII.6	8,885,943,886	20,463,220,591
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30		92,309,522,950	167,343,302,796
11.	Thu nhập khác		31	VII.7	12,602,594,939	35,683,097,760
12.	Chi phí khác		32	VII.8	73,202,827	7,720,699,626
13.	Lợi nhuận khác		40		12,529,392,112	27,962,398,134
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50		104,838,915,062	195,305,700,930
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		51	V.17	-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60		104,838,915,062	195,305,700,930
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		70	VII.9	2,621	4,883

LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Mẫu CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tu số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
QUÝ III -Năm 2008

CÔNG TY CP CAO SU ĐỒNG PHÚ

Địa chỉ: Xã Thuận Phú - Huyện Đồng Phú - Tỉnh Bình Phước

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

TT	TÀI SẢN	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	447,289,907,517	364,025,587,573
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	219,300,324,567	163,326,413,019
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	122,631,952,013	38,032,513,327
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	69,664,202,105	74,028,608,666
4	Hàng tồn kho	34,378,026,387	69,084,275,909
5	Tài sản ngắn hạn khác	1,315,402,445	19,553,776,652
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	686,317,807,205	732,881,600,379
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	517,995,053,752	544,557,653,531
	- Tài sản cố định hữu hình	427,209,961,703	403,405,941,011
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	90,785,092,049	141,151,712,520
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	128,275,306,060	149,541,883,760
5	Tài sản dài hạn khác	40,047,447,393	38,782,063,088
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,133,607,714,722	1,096,907,187,952
IV	NỢ PHẢI TRẢ	465,473,856,032	369,927,756,182
1	Nợ ngắn hạn	424,257,580,996	329,520,958,538
2	Nợ dài hạn	41,216,275,036	40,406,797,644
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	668,133,858,690	726,979,431,770
1	Vốn chủ sở hữu	630,445,088,283	685,979,956,709
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400,000,000,000	400,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu	200,000,000	80,888,839,527
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ dự phòng tài chính		9,785,416,252
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	230,245,088,283	195,305,700,930
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	37,688,770,407	40,999,475,061
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	37,264,148,766	40,574,853,420
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	424,621,641	424,621,641
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,133,607,714,722	1,096,907,187,952

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 17 tháng 10 năm 2008
TỔNG GIÁM ĐỐC